



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NĂM CĂN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 20



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	07 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Thuyết minh Báo cáo tài chính	14 - 34



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NĂM CĂN

Địa chỉ: Khóm Hàng Vĩnh, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà mau

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Cảng Năm Căn (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cảng Năm Căn là công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000480455 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 07 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần 08 ngày 19 tháng 03 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại:

Địa chỉ: Khóm Hàng Vĩnh, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà mau.

Điện thoại : 0290 3 877 200

Fax : 0290 3 878 163

Mã số thuế : 2000480455

Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
- Bốc xếp hàng hóa
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển

2. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm Soát

Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Chung	Chủ tịch
Bà Trần Anh Hiền	Thành viên
Ông Ngô Quốc Nam	Thành viên
Bà Bùi Thị Thu Hằng	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Thoàng	Thành viên

Ban Giám đốc

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Ngô Quốc Nam	Phó Giám đốc phụ trách
Ông Nguyễn Hữu Thoàng	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Phạm Cao Nhuệ	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đặng Xuân Cường	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Bích Ngân	Thành viên Ban kiểm soát

489
CỘNG
HÒA
KIỂM
VI
HI N
CÁN
NG
0480
CÔNG
CỔ PH
NG N
CÁN-T

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm
Ông Ngô Quốc Nam	Phó Giám đốc	Ngày 14 tháng 03 năm 2019

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 cho Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính năm nay, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Khả năng hoạt động liên tục

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 Công ty có khoản lỗ lũy kế là 38.668.405.610 VND vượt vốn chủ sở hữu là 30.668.405.610 VND và tại ngày đó, Công ty có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 70.504.411.135 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vào ngày phát hành Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc của Công ty tin rằng trong tương lai các khoản nợ của Công ty sẽ được chủ trương cơ cấu nợ từ Chính Phủ và không còn gánh nặng về lãi vay và thời gian trả nợ, từ đó Công ty sẽ được các Cổ đông, nhà đầu tư mới tiếp tục đầu tư để Công ty dần dần trở thành Cảng biển hoàn chỉnh, từng bước khôi phục và hoạt động có lãi trong tương lai, không còn gánh nặng về các khoản nợ đến hạn. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong mười hai tháng tới.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NĂM CĂN

Địa chỉ: Khóm Hàng Vĩnh, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà mau

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

8. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



NGÔ QUỐC NAM

Phó Giám đốc

Cà Mau, ngày 05 tháng 03 năm 2022

T.N.H.H * D.

C.T.C.P * MAU



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

Số: 078/2022/BCKT-CT.00163

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ Phần Cảng Năm Căn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Cảng Năm Căn được lập ngày 05 tháng 03 năm 2022, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã nêu tại mục 5.10 của thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty chưa ghi nhận khoản lãi vay phải trả với Công ty Tài chính Công nghiệp Tàu Thủy với số tiền 8.348.450.510 VND (đây là khoản vay sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng Cảng Năm Căn. Với lý do là theo văn bản số 68/NHNN – TD.m ngày 30 tháng 01 năm 2015 về việc tái cơ cấu nợ các doanh nghiệp chuyển giao từ SBIC (trước đây là Vinashin) sang Vinalines theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, thì khoản nợ vay và lãi trên đang được làm thủ tục để tái cơ cấu lại. Tính đến thời điểm hiện tại, quá trình tái cơ cấu này chưa có kết quả cụ thể. Việc chưa ghi nhận sẽ ảnh hưởng đến khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (mã số 242) và khoản mục Chi phí phải trả ngắn hạn (Mã số 315) trên bảng cân đối kế toán vì chưa phản ánh đủ một khoản là 8.348.450.510 VND.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa nhận được thư xác nhận số dư các khoản nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Khoản mục	Số tiền VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng (mã số 131)	658.860.673
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (mã số 312)	5.487.571.363
Phải trả cho người bán ngắn hạn (mã số 311)	9.583.421.276
Trả trước cho người bán ngắn hạn (mã số 132)	196.605.271

Với những tài liệu hiện có của Công ty, chúng tôi cũng không thể tiến hành các thủ tục kiểm toán thay thế khác để kiểm chứng về tính hiện hữu và đúng đắn của các khoản nợ đã nêu trên.

Bên cạnh đó, như đã nêu tại mục 6.4 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty chưa tiến hành ghi nhận đầy đủ chi phí lãi vay với số tiền ước tính được khoảng 13.873.833.334 VND. Nếu công ty ghi nhận đầy đủ chi phí lãi vay vào sổ sách kế toán thì lợi nhuận trước thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 (mã số 50) giảm xuống một khoảng với số tiền là 2.262.695.833 VND, khoản lỗ lũy kế chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (mã số 421) sẽ tăng lên 13.873.833.334 VND và chỉ tiêu chi phí phải trả ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (mã số 315) tăng lên một khoản 13.873.833.334 VND.

Ngoài ra, như đã nêu tại mục 6.1 và 6.2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, Theo quyết định của Cục thuế Tỉnh Cà Mau số 485/QĐ-CTCMA ngày 04 tháng 06 năm 2021 Quyết định về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính bằng biện pháp thông báo hoá đơn không còn giá trị sử dụng nên Công ty chưa tiến hành ghi nhận khoản doanh thu đã hoàn thành và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng trong năm với số tiền lần lượt là 2.780.962.151 VND và 640.632.320 VND. Nếu công ty ghi nhận đầy đủ Doanh thu bán hàng và Giá vốn hàng bán vào sổ sách kế toán thì Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 tăng lên một khoảng với số tiền là 2.780.962.151 VND và giá vốn hàng bán (mã số 02) tăng lên một khoảng là 640.632.320 VND dẫn đến Lợi nhuận kế toán trước thuế (mã số 50) tăng lên một khoảng là 2.140.329.831 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Năm Căn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

ĂN-T. C

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NĂM CĂN

Địa chỉ: Khóm Hàng Vĩnh, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà mau

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.488.031.725	1.621.057.380
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.447.845.084	361.864.379
Tiền	111		1.447.845.084	361.864.379
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		170.646.969	286.614.313
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	745.392.207	807.930.323
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	196.605.271	196.605.271
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4.1	140.084.500	194.959.500
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(911.435.009)	(912.880.781)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.6	57.927.318	262.654.358
Hàng tồn kho	141		57.927.318	262.654.358
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		811.612.354	709.924.330
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	655.632.739	709.924.330
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	155.979.615	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

002-C.T.Ư.
HẠN
N
AM
H
CÁN THỨC

55-C.T.Ư.
Y
AN
A MAU

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NĂM CĂN

Địa chỉ: Khóm Hàng Vĩnh, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.649.183.059	41.231.274.663
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.4.2	186.822.466	186.822.466
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.5	(186.822.466)	(186.822.466)
Tài sản cố định	220		16.093.713.469	17.613.399.692
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	16.093.713.469	17.613.399.692
Nguyên giá	222		49.286.410.424	49.286.410.424
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.192.696.955)	(31.673.010.732)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
Nguyên giá	228		30.000.000	30.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.000.000)	(30.000.000)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		22.900.415.496	22.900.415.496
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	22.900.415.496	22.900.415.496
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		655.054.094	717.459.475
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	655.054.094	717.459.475
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		42.137.214.784	42.852.332.043

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NĂM CĂN

Địa chỉ: Khóm Hàng Vĩnh, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà mau

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

	Mã	Thuyết	31/12/2021	01/01/2021
	số	minh		
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		72.805.620.394	71.298.649.230
Nợ ngắn hạn	310		72.805.620.394	71.298.649.230
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	9.583.421.276	9.772.627.475
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	5.487.571.363	5.318.331.013
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	3.365.974	329.510.111
Phải trả người lao động	314		217.483.728	65.266.546
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	15.106.777.122	15.106.777.122
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		135.454.547	35.454.547
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	13.086.067.037	11.485.203.069
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	29.185.479.347	29.185.479.347
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NĂM CĂN

Địa chỉ: Khóm Hàng Vính, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà mau

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(30.668.405.610)	(28.446.317.187)
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	(30.668.405.610)	(28.446.317.187)
Vốn góp của chủ sở hữu	411		8.000.000.000	8.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		8.000.000.000	8.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(38.668.405.610)	(36.446.317.187)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(36.446.317.187)	(32.936.077.205)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.222.088.423)	(3.510.239.982)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		42.137.214.784	42.852.332.043



NGUYỄN THỊ CÚC
Người lập biểu



TRẦM HỒNG MỚI
Kế toán trưởng



NGÔ QUỐC NAM
Phó Giám đốc
Cà Mau, ngày 05 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NĂM CĂN

Địa chỉ: Khóm Hàng Vĩnh, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà mau

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2021	2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	4.576.406.951	2.454.736.094
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10		4.576.406.951	2.454.736.094
Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.897.989.462	1.678.911.930
Lợi nhuận gộp	20		2.678.417.489	775.824.164
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	622.096	471.646
Chi phí tài chính	22	6.4	1.696.627.412	1.457.338.738
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	1.278.466.971
Chi phí bán hàng	25	6.5	9.711.900	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	3.102.031.688	3.251.470.680
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.129.331.415)	(3.932.513.608)
Thu nhập khác	31	6.7	-	467.533.726
Chi phí khác	32	6.8	92.757.008	45.260.100
Lợi nhuận khác	40		(92.757.008)	422.273.626
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.222.088.423)	(3.510.239.982)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.14	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.222.088.423)	(3.510.239.982)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	(2.778)	(4.388)



NGUYỄN THỊ CÚC
Người lập biểu



TRẦM HỒNG MỚI
Kế toán trưởng



NGÔ QUỐC NAM
Phó Giám đốc

Cà Mau, ngày 05 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NĂM CĂN

Địa chỉ: Khóm Hàng Vĩnh, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2021	2020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		(2.222.088.423)	(3.510.239.982)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.519.686.223	1.535.711.790
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		(1.445.772)	188.525.284
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(622.096)	28.170.755
Chi phí lãi vay	06		1.418.479.237	1.278.466.971
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		714.009.169	(479.365.182)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(38.566.499)	1.210.346.829
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		204.727.040	32.915.454
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		88.491.927	29.827.014
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		116.696.972	(417.767.883)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(438.891.325)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.085.358.609	(62.935.093)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(327.803.927)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	99.090.909
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		622.096	471.646
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		622.096	(228.241.372)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NĂM CĂN

Địa chỉ: Khóm Hàng Vĩnh, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2021	2020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.085.980.705	(291.176.465)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		361.864.379	653.040.844
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	51	1.447.845.084	361.864.379



NGUYỄN THỊ CÚC
Người lập biểu



TRÂM HỒNG MỚI
Kế toán trưởng



NGÔ QUỐC NAM
Phó Giám đốc

Cà Mau, ngày 05 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Năm Căn là công ty cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như sau:

- Bốc xếp hàng hóa (Ngành chính)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 12 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 14 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 đến dưới 02 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm: công cụ dụng cụ, bảo hiểm.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

Nhà cửa, vật kiến trúc
Máy móc thiết bị
Phương tiện vận tải
Thiết bị, dụng cụ quản lý

Thời gian khấu hao

05 - 25 năm
08 - 10 năm
05 - 10 năm
05 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Trong năm, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.14 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Trong năm, Công ty trích Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định hiện hành:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên lương vào chi phí là: 17,5% từ ngày 01/07/2021 là 17%, và 8% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là: 3% và 1,5% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là: 1% và 1% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là: 2%.

4.15 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét các mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của các mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên đối tượng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam

Quan hệ

Thành viên quản lý chủ chốt

Công ty mẹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	2.124.960	2.262.817
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	1.445.720.124	359.601.562
	1.447.845.084	361.864.379

5.2 Phải thu ngắn hạn của khác hàng

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty CP Dịch vụ Đầu tư Xây dựng Tây Đô	166.854.500	166.854.500
Công ty CP Phát triển Đô Thị Cà Mau	71.153.032	71.153.032
Công ty CP Xây dựng Công Nghiệp	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Vận tải Giáp Diệp	10.417.334	-
Công ty Xây Dựng 123	50.000.000	50.000.000
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Atn	2.893.750	-
Chi Nhánh Đội Tàu Nạo vét - Tổng Công Ty Xây Dựng Lũng Lô	29.055.300	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Kim Cương Năm Căn	2.514.091	6.514.091
QTV Nguyễn Thành Sang	6.600.000	-
Mã Tấn Bình	13.103.000	13.103.000
Nguyễn Văn Cang	11.987.000	11.987.000
Nguyễn Văn Tuấn (Tuấn Mỹ)	5.000.000	5.000.000
Công ty Cổ phần KHCN Việt Nam	75.814.200	183.318.700
	745.392.207	807.930.323

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Trả trước cho người bán khác		
Công ty CP Tư Vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải	50.000.000	50.000.000
Công ty Thiết kế và Đóng tàu Miền Nam	40.000.000	40.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Công Nghệ Thông Tin	25.058.000	25.058.000
Công ty TNHH Tân Huy Thành	25.000.000	25.000.000
Ông Nguyễn Hữu Thoàng	52.366.385	52.366.385
Công ty TNHH Thép Trường Thịnh	1.580.451	1.580.451
Công ty Thẩm định giá Thế Kỷ Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	2.000.000	2.000.000
DNTN Ngọc Thủy	600.435	600.435
	196.605.271	196.605.271

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</i>				
Tạm ứng	31.000.000	-	48.375.000	-
Phải thu khác	109.084.500	109.084.500	146.584.500	146.584.500
	140.084.500	109.084.500	194.959.500	146.584.500

5.4.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</i>				
Phải thu khác	186.822.466	186.822.466	186.822.466	-
	186.822.466	186.822.466	186.822.466	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NĂM CĂN

Địa chỉ: Khóm Hàng Vĩnh, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.5 Nợ xấu

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Nợ quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm				
Công ty TNHH MTV Xây dựng Kim Cương Năm Căn	-	-	6.514.091	1.954.227
Công ty thẩm định giá Thế Kỷ CN TP HCM	-	-	2.000.000	600.000
Nợ quá hạn từ 3 năm trở lên				
Công ty TNHH MTV Xây dựng Kim Cương Năm Căn	2.514.091	-	-	-
Công ty thẩm định giá Thế Kỷ CN TP HCM	2.000.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tây Đô	166.854.500	-	166.854.500	-
Công ty CP Phát triển Đô thị Cà Mau	71.153.032	-	71.153.032	-
Công ty Xây Dựng 123 Lê Việt Toàn	50.000.000	-	50.000.000	-
Nguyễn Văn Chung	56.500.000	-	56.500.000	-
Công ty CP TVXD Công trình Hàng Hải	58.025.500	-	58.025.500	-
Công ty CP XD Công Nghiệp	50.000.000	-	50.000.000	-
Tô Văn Tuấn	300.000.000	-	300.000.000	-
Mã Tấn Bình	186.822.466	-	186.822.466	-
Nguyễn Văn Cang	13.103.000	-	13.103.000	-
Nguyễn Văn Tuấn (Tuấn Mỹ)	11.987.000	-	11.987.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Công Nghệ Thông Tin	5.000.000	-	5.000.000	-
Công ty TNHH Thép Trường Thịnh	25.058.000	-	25.058.000	-
Công ty TNHH Tân Huy Thành	1.580.451	-	1.580.451	-
Công ty Thiết Kế Và Đóng Tàu Miền Nam	25.000.000	-	25.000.000	-
DNTN Ngọc Thủy	40.000.000	-	40.000.000	-
Nguyễn Hoàng Khánh	600.435	-	600.435	-
Nguyễn Văn Vũ	30.597.000	-	30.597.000	-
	1.462.000	-	1.462.000	-
	1.098.257.475	-	1.102.257.475	2.554.227

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Trả trước cho người bán	Cộng
Tại ngày 01/01/2021	(769.241.896)	(186.822.466)	(143.638.886)	(1.099.703.248)
Trích dự phòng bổ sung trong năm	-	-	(600.000)	(600.000)
Hoàn nhập trong năm	2.045.773	-	-	2.045.773
Tại ngày 31/12/2021	(767.196.123)	(186.822.466)	(144.238.886)	(1.098.257.475)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NĂM CĂN

Địa chỉ: Khóm Hàng Vịnh, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	14.025.103	-	23.807.360	-
Hàng hoá	43.902.215	43.902.215	238.846.998	238.846.998
	57.927.318	43.902.215	262.654.358	238.846.998

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công cụ dụng cụ	6.591.993	4.569.627
Chi phí sửa chữa	25.264.896	-
Chi phí nhiên liệu, nhân công	623.775.850	705.354.703
	655.632.739	709.924.330

5.7.2 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công cụ dụng cụ, bảo hiểm	78.010.959	693.834.975
Chi phí sửa chữa	555.864.531	-
Chi phí nhiên liệu, nhân công	21.178.604	23.624.500
	655.054.094	717.459.475

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NĂM CĂN

Địa chỉ: Khóm Hàng Vính, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.8 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Vào ngày 01/01/2021	47.843.624.498	125.549.091	1.283.786.835	33.450.000	49.286.410.424
Vào ngày 31/12/2021	47.843.624.498	125.549.091	1.283.786.835	33.450.000	49.286.410.424
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 01/01/2021	30.959.175.767	79.014.997	601.369.968	33.450.000	31.673.010.732
Khấu hao trong năm	1.326.701.280	8.590.908	184.394.035	-	1.519.686.223
Vào ngày 31/12/2021	32.285.877.047	87.605.905	785.764.003	33.450.000	33.192.696.955
Giá trị còn lại					
Vào ngày 01/01/2021	16.884.448.731	46.534.094	682.416.867	-	17.613.399.692
Vào ngày 31/12/2021	15.557.747.451	37.943.186	498.022.832	-	16.093.713.469
Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng					
Vào ngày 01/01/2021	1.329.199.148	39.640.000	1.235.064.331	33.450.000	2.637.353.479
Vào ngày 31/12/2021	1.329.199.148	39.640.000	215.000.000	33.450.000	1.617.289.148

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NĂM CĂN

Địa chỉ: Khóm Hàng Vĩnh, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2021	30.000.000	30.000.000
Tại ngày 31/12/2021	<u>30.000.000</u>	<u>30.000.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2021	30.000.000	30.000.000
Tại ngày 31/12/2021	<u>30.000.000</u>	<u>30.000.000</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2021	-	-
Tại ngày 31/12/2021	<u>-</u>	<u>-</u>
Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		
Tại ngày 31/12/2021	30.000.000	30.000.000
Tại ngày 01/01/2021	<u>30.000.000</u>	<u>30.000.000</u>

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2021	Kết chuyển vào TSCĐ hữu hình	Kết chuyển vào TSCĐ vô hình	31/12/2021
Xây dựng cơ bản				
Chi phí Ban Quản lý Dự Án	269.090.544	-	-	269.090.544
Giám sát Công trình NC CNC	40.000.000	-	-	40.000.000
Gói thầu số 06: San lấp, đê vây	6.054.133.106	-	-	6.054.133.106
Lập dự án Đầu tư nâng cấp Cảng, Nhà xưởng	340.856.364	-	-	340.856.364
Gói thầu 11: Đường bãi, nội bộ NX Gỗ Đồng	191.201.200	-	-	191.201.200
Gói Thầu 11: Bê tông hóa 4km Đường bãi	1.047.178.304	-	-	1.047.178.304
Gói thầu 11: Kết cấu đường Bãi, đường nội bộ	1.254.934.437	-	-	1.254.934.437
San lấp nền	50.000.000	-	-	50.000.000
Xây dựng Cảng (Giá trị vốn hóa)	12.716.711.247	-	-	12.716.711.247
Gói thầu số 1: Rà phá bom mìn	378.000.000	-	-	378.000.000
Gói thầu số 8: đầu tư xây dựng CNC, bước 1, giai đoạn 1	543.623.985	-	-	543.623.985
Hạn mục nâng cấp, sửa chữa, san lấp khuôn viên CNC (Nhà ĐH+HR-BC)	14.686.309	-	-	14.686.309
	<u>22.900.415.496</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>22.900.415.496</u>

(*) Trong đó chưa bao gồm chi phí lãi vay 8.348.450.510 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NĂM CĂN

Địa chỉ: Khóm Hàng Vĩnh, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Xí nghiệp cơ khí Quang Trung	5.460.000.000	5.460.000.000
DNTN Thanh Trúc	3.289.135.320	3.289.135.320
Bộ tài chính	29.470.000	29.470.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng Hải Hậu Giang	47.000.000	47.000.000
Huỳnh Minh Điều	-	20.000.000
Chi nhánh Công ty CPTN Bạc Liêu	23.590.933	23.590.933
Công ty Cổ Phần Tư vấn Thiết kế & Xây dựng 565	178.602.000	178.602.000
Công ty Cổ Phần ĐTXD Phú An VL	72.500.000	72.500.000
Công ty Cổ phần Hoàn Thiện	150.000.000	150.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm Định Giá Việt Nam	22.000.000	22.000.000
Công ty TNHH MTV Chín Minh	17.582.600	27.582.600
Công ty TNHH MTV Phúc Lâm	12.000.000	12.000.000
Công ty TNHH MTV Thuận Phong	50.000.000	50.000.000
Nguyễn Quốc Khải	27.247.503	-
Công Ty TNHH MTV TM và DV Cơ khí Thành Lợi	14.798.500	14.798.500
Công ty TNHH Toàn Thuận Phát Kiên Giang	41.202.500	41.202.500
Nguyễn Hữu Thoàng	-	158.031.075
Ngô Quốc Nam	-	200
Phạm Xuân Hạnh	3.000.000	7.000.000
Trần Tiến Triển	36.732.670	61.147.670
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	60.000.000	60.000.000
Xí nghiệp Khai thác và Chế biến đá Cô Tô	48.559.250	48.559.250
Khách hàng lẻ	-	7.427
	9.583.421.276	9.772.627.475

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH Gỗ Đồng Hà	2.341.002.212	2.341.002.212
Công ty Quốc Khánh	128.000.000	108.000.000
Công ty TNHH TMDV DL Sinh Thái Rừng Tràm Phạm Thanh Long	113.500.000	113.500.000
Công ty TNHH Vận Tải Thủy Bộ Hải Hà	188.330.000	188.330.000
Dư Văn Lâm	217.500.000	185.000.000
Phí cầu bến	181.322.000	181.322.000
Trần Văn Trung	3.777.000	3.777.000
Công ty TNHH MTV TK-GS-XD Hưng Long	91.354.000	91.354.000
Công ty Sử Thành Phú	239.696.000	164.696.000
Nguyễn Phương Khánh	336.685.500	336.685.500
Phan Trần Duy Thảo	99.462.500	99.462.500
Cần tin Cảng Năm Căn	60.694.000	30.900.000
Công ty CP ĐTXD và TMDV Kim Anh	5.000.000	-
Lê Văn Công - Công trình cơ điện	86.955.000	-
Nguyễn Văn Cần	40.000.000	-
Công ty CP tư vấn xây dựng Phú Xuân	10.500.000	-
Công ty CP thi công cơ giới South Eath	15.900.000	-
Công ty Tài Chính TNHH MTV Công Nghiệp Tàu Thủy	25.000.000	-
Công ty CP Tập Đoàn ĐTTM Công Nghiệp Việt Á.	6.350.000	-
Khách hàng lẻ	1.296.543.151	1.474.301.801
	5.487.571.363	5.318.331.013

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NĂM CĂN

Địa chỉ: Khóm Hàng Vĩnh, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021	Số phát sinh trong năm		31/12/2021	
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế Giá trị gia tăng	253.342.003	421.760.364	(831.081.982)	155.979.615	-
Thuế thu nhập cá nhân	76.168.108	-	(72.802.134)	-	3.365.974
	329.510.111	421.760.364	(903.884.116)	155.979.615	3.365.974

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động kinh doanh dịch vụ trong nước là 5%, 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	2021 VND	2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.222.088.423)	(3.510.239.982)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng thuế TNDN phải nộp	-	-

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí phải trả bên liên quan		
Chi phí thuê xe của Tổng Công ty Hàng Hải	220.095.326	220.095.326
Chi phí phải trả các đơn vị, cá nhân khác		
Chi phí phải trả Tập đoàn Công nghệ Thông tin Việt Nam - Công ty Tài chính Công nghiệp Tàu thủy	14.417.494.488	14.417.494.488
Bà Trịnh Văn Quy	112.546.666	112.546.666
Lãi chậm trả Công ty TNHH Gỗ Đông Hà	324.414.090	324.414.090
Chi phí phải trả khác	32.226.552	32.226.552
	15.106.777.122	15.106.777.122

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NĂM CĂN

Địa chỉ: Khóm Hàng Vĩnh, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả các bên liên quan		
Lãi vay phải trả Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	1.243.145.787	1.242.935.787
Phải trả khác cho Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	-	210.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	45.095.514	64.560.372
Bảo hiểm xã hội	2.695.450.548	2.328.944.171
Bảo hiểm y tế	3.931.544	88.566.560
Bảo hiểm thất nghiệp	5.645.681	68.703.146
Bảo hiểm tai nạn người lao động	-	18.444.355
Lãi vay phải trả Ngân hàng Phát Triển Việt Nam – Khu Vực Minh Hải	6.518.392.889	5.099.913.652
Bảo hiểm xã hội huyện Năm Căn	223.550.560	223.550.560
Cục thuế tỉnh Cà Mau	781.452.168	749.679.422
Công ty TNHH MTV TVXD Hưng Phát	4.964.344	94.324.315
Hợp đồng liên doanh số 25 ngày 01/11/2015	984.874.137	925.806.864
Lê Hoàng Khanh	30.469.375	30.469.375
Lê Văn Năm	25.743.416	25.743.416
Nguyễn Hữu Thoàng	10.500.000	10.500.000
Nguyễn Quốc Hưng	33.640.000	33.640.000
Ngô Quốc Nam	14.910.000	14.910.000
Phạm Thế Duân	1.264.725	1.264.725
Thủ lao phải trả HĐQT và BKS công ty	108.500.000	108.500.000
Trương Hoàng Hương	9.897.750	9.897.750
Phải trả người lao động	344.638.599	344.638.599
	13.086.067.037	11.485.203.069

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn bên liên quan				
Nợ dài hạn đến hạn trả				
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	2.003.643.120	2.003.643.120	2.003.643.120	2.003.643.120
Vay ngắn hạn các tổ chức, cá nhân khác				
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Tập đoàn CNTT Việt Nam – Công ty Tài chính TNHH MTV Công Nghiệp Tàu Thủy	16.500.000.000	16.500.000.000	16.500.000.000	16.500.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân				
Bà Trịnh Vân Quy	430.000.000	430.000.000	430.000.000	430.000.000
Ông Nguyễn Doãn Tường	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Minh Hải	10.181.836.227	10.181.836.227	10.181.836.227	10.181.836.227
	29.185.479.347	29.185.479.347	29.185.479.347	29.185.479.347

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NĂM CĂN

Địa chỉ: Khóm Hàng Vĩnh, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2021	Số tiền đã trả trong năm	Số tiền đã vay trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Tập đoàn CNTT Việt Nam – Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu Thủy	16.500.000.000	-	-	16.500.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân				
Bà Trịnh Văn Quy	430.000.000	-	-	430.000.000
Ông Nguyễn Doãn Tường	70.000.000	-	-	70.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả				
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	2.003.643.120	-	-	2.003.643.120
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Minh Hải	10.181.836.227	-	-	10.181.836.227
	29.185.479.347	-	-	29.185.479.347

Đây là khoản vay cá nhân theo Hợp đồng Kinh tế số 02/HĐKT ngày 08 tháng 07 năm 2011 kèm phụ lục số 02/PLHĐKT ngày 01 tháng 02 năm 2012, Số 08/HĐKT ngày 25 tháng 04 năm 2011, Số 01/HĐVV-CNC ngày 01 tháng 07 năm 2013, Số 04/HĐVV ngày 08/10/2013 và chi tiết các hợp đồng kinh tế như sau:

Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động kinh doanh
 Thời hạn vay : 12 tháng
 Lãi suất vay : 2%/tháng
 Hình thức đảm bảo : Tín chấp

Đây là Khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 06/2009/HĐTDĐT-NHPT ngày 09 tháng 06 năm 2009 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Minh Hải với chi tiết như sau:

Mục đích vay : Đầu tư hạn mục cầu chân đế 32 tấn thuộc dự án nâng cấp Cảng Năm Căn, theo quyết định phê duyệt đầu tư số: 4095/QĐ-CNT-KHĐT ngày 11 tháng 12 năm 2007 của Chủ tịch HĐQT tập đoàn Công nghiệp tàu Thủy Việt Nam.

Thời hạn vay : 60 tháng
 Lãi suất vay : Lãi suất nợ trong hạn (tính trên số dư nợ trong hạn): 6,9%/năm
 : Lãi suất quá hạn (tính trên nợ gốc và lãi chậm trả): 10,35%/năm

Hình thức đảm bảo : Công ty Cổ phần Cảng Năm Căn (được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Năm Căn) được dùng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo tiền vay là toàn bộ hạn mục cầu chân đế 32T hoàn thành. Tổng giá trị tài sản bảo đảm: 15.600.000.000 VND.

Đây là khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 02/2012/VNL-NC ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam với chi tiết như sau:

Mục đích vay : Thực hiện Gói Thầu số 8 Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Năm Căn.
 Thời hạn vay : Từ ngày 17/02/2012 đến khi được cấp vốn Điều lệ
 Lãi suất vay : Lãi suất thỏa thuận
 Hình thức đảm bảo : Tín chấp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, toàn bộ khoản tiền vay trên đều đã quá hạn nhưng chưa thanh toán với tổng số tiền vay là 29.185.479.347 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NĂM CĂN

Địa chỉ: Khóm Hàng Vĩnh, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.17 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")**5.17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020	8.000.000.000	(32.936.077.205)	(24.936.077.205)
Lỗ trong năm nay	-	(3.510.239.982)	(3.510.239.982)
Tại ngày 31/12/2020	8.000.000.000	(36.446.317.187)	(28.446.317.187)
Tại ngày 01/01/2021	8.000.000.000	(36.446.317.187)	(28.446.317.187)
Lỗ trong năm nay	-	(2.222.088.423)	(2.222.088.423)
Tại ngày 31/12/2021	8.000.000.000	(38.668.405.610)	(30.668.405.610)

5.17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2021		01/01/2021	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	3.947.790.000	49,35%	3.947.790.000	49,35%
Công ty TNHH Quản Lý Tài Sản Phúc Thịnh	3.894.910.000	48,69%	3.894.910.000	48,69%
Vốn góp của Cổ đông khác	157.300.000	1,97%	157.300.000	1,97%
	8.000.000.000	100%	8.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NĂM CĂN

Địa chỉ: Khóm Hàng Vĩnh, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.17.3 Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	800.000	800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	800.000	800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	800.000	800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	800.000	800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	800.000	800.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/Cổ phần

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2021 VND	2020 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.576.406.951	2.454.736.094
	4.576.406.951	2.454.736.094

(*) Theo quyết định của Cục thuế Tỉnh Cà Mau số 485/QĐ-CTCMA ngày 04 tháng 06 năm 2021 Quyết định về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính bằng biện pháp thông báo hoá đơn không còn giá trị sử dụng nên Công ty chưa tiến hành ghi nhận khoản doanh thu đã hoàn thành và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu với số tiền là 2.780.962.151 VND

6.2 Giá vốn hàng bán

	2021 VND	2020 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ đã cung cấp	1.897.989.462	1.678.911.930
	1.897.989.462	1.678.911.930

(*) Trong đó, chi phí nhiên liệu, nhân công chưa được ghi nhận vào giá vốn trong năm với số tiền là 640.632.320 VND.

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	622.096	471.646
	622.096	471.646

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NĂM CĂN

Địa chỉ: Khóm Hàng Vĩnh, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.4 Chi phí tài chính

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay (*)	1.418.479.237	1.278.466.971
Chi phí tài chính khác	278.148.175	178.871.767
	1.696.627.412	1.457.338.738

(*) Trong đó chưa bao gồm chi phí lãi vay là 13.873.833.334 VND: năm 2021 là 2.262.695.833 VND và lãi vay các năm trước là 11.611.137.501 VND.

6.5 Chi phí bán hàng

	2021 VND	2020 VND
Chi phí hoa hồng môi giới	9.711.900	-
	9.711.900	-

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.349.500.204	1.150.853.823
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.308.485.256	1.336.260.360
Chi phí dự phòng	(1.445.772)	188.525.284
Chi phí bằng tiền khác	445.492.000	575.831.213
	3.102.031.688	3.251.470.680

6.7 Thu nhập khác

	2021 VND	2020 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	467.533.726
Thu thanh lý tài sản cố định	-	537.982.234
Giá trị còn lại của tài sản cố định	-	(70.448.508)
	-	467.533.726

6.8 Chi phí khác

	2021 VND	2020 VND
Chi nộp phạt, chậm nộp	92.757.008	16.763.000
Chi phí khác	-	28.497.100
	92.757.008	45.260.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.471.178	409.914.132
Chi phí nhân công	1.291.750.204	1.246.167.674
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.308.485.256	1.535.711.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	288.786.043	927.419.646
Chi phí khác	199.250.907	809.466.550
	3.111.743.588	4.928.679.792

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.222.088.423)	(3.510.239.982)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông như sau:		
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.222.088.423)	(3.510.239.982)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	800.000	800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(2.778)	(4.388)

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****8.1.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	2021 VND	2020 VND
Tiền lương, thưởng	257.632.577	252.540.937

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các bên liên quan khác.

Số dư với các bên liên quan khác được trình bày ở mục 5.15.

8.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NĂM CĂN

Địa chỉ: Khóm Hàng Vĩnh, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

8.3 Khả năng hoạt động liên tục

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 Công ty có khoản lỗ lũy kế là 38.668.405.610 VND vượt vốn chủ sở hữu là 30.668.405.610 VND và tại ngày đó, Công ty có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 70.504.411.135 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vào ngày phát hành Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc của Công ty tin rằng trong tương lai các khoản nợ của Công ty sẽ được chủ trương cơ cấu nợ từ Chính Phủ và không còn gánh nặng về lãi vay và thời gian trả nợ, từ đó Công ty sẽ được các Cổ đông, nhà đầu tư mới tiếp tục đầu tư để Công ty dần dần trở thành Cảng biển hoàn chỉnh, từng bước khôi phục và hoạt động có lãi trong tương lai, không còn gánh nặng về các khoản nợ đến hạn. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong mười hai tháng tới.



NGUYỄN THỊ CÚC

Người lập biểu



TRÂM HỒNG MỚI

Kế toán trưởng



NGÔ QUỐC NAM

Phó Giám đốc

Cà Mau, ngày 05 tháng 03 năm 2022

ANH * CH.

* C.P *